**PHÒNG GIÁO DỤC ĐẠI LỘC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2022-2023**

TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6 (Thời gian: 90 – Không kể giao đề)**

 **MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Kỹ** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** *(số câu)* |  |
| **TT** |  |  |  |  | **Tổng** |
| **Nhận** | **Thông** | **Vận** | **Vận** |
| **năng** | **/đơn vị kỹ năng** |
|  |  | **biết** | **hiểu** | **dụng** | **dụng cao** |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** |  | **Đọc- Hiểu**  | Truyện truyền thuyết | 4 | 4 | 2 | 0 | **10** |
|  |  |
|  | Thực hành tiếng Việt |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Tỉ lệ % điểm | **20** | **25** | **15** |  | **60** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  | **Viết** |  Bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề ( hiện tượng) trong đời sống | 1\* | 1\* | 1\* | 1 | **1** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Tỉ lệ % điểm | 10 | 10 | 10 | 10 | **40** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tỉ lệ % điểm các mức độ** | **30** | **35** | **25** | **10** | **100** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**PHÒNG GIÁO DỤC ĐẠI LỘC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2022-2023**

TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6 (Thời gian: 90 – Không kể giao đề)**

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc – Hiểu** | Văn bản: Truyện truyền thuyết | **Nhận biết:**-Thể loại truyện, đặc điểm của truyện truyền thuyết, ngôi kể, từ mượn, trạng ngữ**Thông hiểu:**- Hiểu được ý nghĩa truyện, một số chi tiết tiêu biểu trong truyện, xác dịnh đúng biện pháp tu từ, hiểu được ý nghĩa truyện**Vận dụng:**- Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản truyện.- Đặt được câu có dùng phép tu từ | 4 TN | 4TN | 2TL | 1TL |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề (hiện tượng) trong đời sống | **Nhận biết:** Kiểu bài nghị luận, xác định được vấn đề cần nghị luận**Thông hiểu:**  Xác được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.**Vận dụng:** Biết cách lập luận trong văn nghị luận**Vận dụng cao:** * Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề hiện tượng trong đời sống
* Bài viết có bố cục 3 phần, có lí lẽ, bằng chứng, có sức thuyết phục
 | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  |  **4TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** |  | **20** | **2,5** | **1,5** | **4,0** |
| **Tỉ lệ chung (%)** |  | **60** | **40** |

**PHÒNG GIÁO DỤC ĐẠI LỘC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2022-2023**

TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6 (Thời gian: 90 – Không kể giao đề)**

|  |
| --- |
| ***Đề chính thức*** |

**I. ĐỌC - HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CON RỒNG CHÁU TIÊN**

*Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch,có nhiều phép lạ.*

*Thần giúp nhân dân diệt trừ Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh là những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.*

*Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng, cùng nhau chung sống trên cạn ở điện Long Trang.*

*Ít lâu sau, Âu Cơ có mang đến kì sinh nở. Chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng nở ra một trăm người con, con nào con ấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.*

*Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước, cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung với mẹ. Âu Cơ ở lại một mình nuôi đàn con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở:*

*– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi đàn con nhỏ?*

*Lạc Long Quân nói:*

*– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.*

*Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi cùng chia tay nhau lên đường. Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô  ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.*

*Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là*[*con Rồng cháu Tiên*](https://truyendangian.com/truyen-thuyet-con-rong-chau-tien-tram-trung-no-tram-con/)*.*

 ( Theo Nguyễn Đổng Chi)

***Thực hiện các yêu cầu sau:***

**\*Chọn phương án đúng nhất cho các câu hỏi trắc nghiệm:**

Câu 1 (0,5 điểm): Truyện “*Con Rồng cháu Tiên*” thuộc thể loại truyện nào?

A. Thần thoại B. Truyền thuyết C. Cổ tích D. Truyện ngắn

Câu 2 (0,5 điểm): Truyện “*Con Rồng cháu Tiên*” được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ tư

Câu 3 ( 0,5 điểm): Từ nào trong các từ sau là từ mượn?

A. Con gái                 B. Con nhỏ C. Khôi ngô         D. Núi cao

Câu 4(0,5 điểm): Câu văn “*Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.”* dùng biện pháp tu từ naò?

1. So sánh B. Nhân hoá C. Ẩn dụ D. Điệp ngữ

Câu 5 (0,5 điểm): Truyện “*Con Rồng cháu Tiên”* ra đời nhằm mục đích gì?

 A. Kể về những câu chuyện thần kì, có thật và được truyền từ đời này qua đời khác.

B. Giải thích nguồn gốc cộng đồng người Việt Nam, nguồn gốc các dân tộc trên lãnh thổ nước ta.

C. Dựng lại bức tranh lịch sử nước ta trong buổi đầu dựng nước.

D. Nêu cao tinh thần yêu nước và truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Câu 6 (1,0 điểm): Chi tiết “*Năm mươi con theo cha xuống biển, năm mươi con theo mẹ lên non, khi có việc thì nương tựa, giúp đỡ lẫn nhau*” thể hiện điều gì?

A. Ước nguyện đoàn kết, gắn bó giúp đỡ lẫn nhau của các dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

B. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

C. Truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

D. Giải thích tại sao dân tộc Việt Nam hiện nay vừa sống trên núi, vừa sống ở vùng đồng bằng.

Câu 7 (0,5 điểm): Ý nghĩa nổi bật của hình tượng “*bọc trăm trứng*” là gì?

A. Ca ngợi công lao sinh nở kì diệu của Âu Cơ - Lạc Long Quân

B. Tình yêu quê hương, đất nước, tự hào dân tộc

C. Nhắc nhở mọi người, mọi dân tộc Việt Nam thương yêu, đùm bọc lẫn nhau như người một nhà.

D. Sự kì diệu của bọc trăm trứng.

Câu 8 (0,5 điểm): Cụm từ “ *Ít lâu sau*” trong câu “*Ít lâu sau, Âu Cơ có mang đến kì sinh* *nở.”* là thành phần:

1. Chủ ngữ B. Trạng ngữ C. Vị ngữ D. Phụ chú

***\*Thực hiện câu hỏi trả lời ngắn***

**Câu 9** (0,5 điểm): Đặt một câu văn có dùng phép tu từ nhân hoá hoặc điệp ngữ.

 **Câu 10** (1,0 điểm): Qua truyện “*Con Rồng cháu Tiên*", em rút ra cho mình những bài học gì? ( Trình bày ít nhất 2 bài học.)

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Viết bài văn trình bày ý kiến của em về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống mà em quan tâm (Bắt nạt, lười học, dịch bệnh, môi trường, tệ nạn, đánh giá bản thân ,…)

------------------------- Hết -------------------------

**PHÒNG GIÁO DỤC ĐẠI LỘC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2022-2023**

TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6 (Thời gian: 90 – Không kể giao đề)**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

**A. Hướng dẫn chung**

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý ghi điểm.

- Cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có ý tưởng riêng và giàu chất văn.

- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm, tránh tâm lý ngại cho điểm tối đa *(Một bài làm đạt điểm tối đa có thể vẫn còn có những sai sót nhỏ).*

- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm. Sau đó, làm tròn số đúng theo quy định.

**B. Đáp án và thang điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 1,0 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh đặt câu đúng câu: Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm và câu văn có dùng phép tu từ nhân hoá hay điệp ngữ. | 0,5 |
|  | **10** | Học sinh có thể nêu ra nhiều bài học khác nhau nhưng phù hợp với nội dung văn bản . Gợi ý một số bài học sau:* Biết đoàn kết, biết yêu thương
* Biết chia sẽ, giúp đỡ khi gặp khó khăn
* Tự hào về nguồn gốc dân tộc Việt
* …,

\*Mức 1: Học sinh ghi được 2 bài học – 1,0 điểm\*Mức 2: Học sinh ghi được 1 bài học – 0,5 điểm\*Mức 3: Học sinh không trả lời hoặc ghi không đúng – 0,00 điểm **Chú ý***: Câu hỏi này, Gv linh hoạt cách trả lời của học sinh mà ghi điểm. Cần tôn trọng, khuyến khích những câu trả lời hay, sáng tạo.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:* có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận. Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm (đưa ra được lí lẽ , dẫn chứng). Kết bài khái quát được nội dung nghị luận. | 0,5 |
|  | *2. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* Trình bày ý kiến về một vấn đề (hiện tượng) trong đời sống. Hiện tượng đời sống là những hiện tượng nổi bật, có ý nghĩa hoặc ảnh hưởng tới phần lớn mọi người trong xã hội. (có thể là hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực) | 0,5 |
|  | *3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.* Có thể triển khai theo hướng sau:- **Mở bài**: Giới thiệu được hiện tượng(vấn đề) người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ( vấn đề) ấy.- **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến của người viết theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề (hiện tượng) đã nêu ở mở bài. Tùy vào ý kiến người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ.- **Kết bài**: Khẳng định lại ý kiến, đưa ra những đề xuất, giải pháp…- Trình bày bài chặt chẽ, sáng tạo; văn phong trong sáng, bài viết giàu chất văn. | 2,50,5 |

 Hết/

Duyệt của Nhà trường Tổ trưởng chuyên môn Giáo viên bộ môn

**Phạm Văn Phương Nguyễn Ngô Lê Thị Thu**